CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chiếu xạ An Phú

Ngày 31/12/2025	6,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.4%	-	-

DT thuần
Q4/25
29.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.60| -5.1%
YoY: ▼3.00| -9.2%

LN thuần
Q4/25
-8.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.45| -158%
YoY: ▼3.12| -54.1%

LN sau thuế
Q4/25
-8.88
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.44| -158%
YoY: ▼2.41| -37.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-11.6%
YoY: +/-▼ 11.2%

ROE
2025
-4.8%
YoY: +/-▼ 1.2%

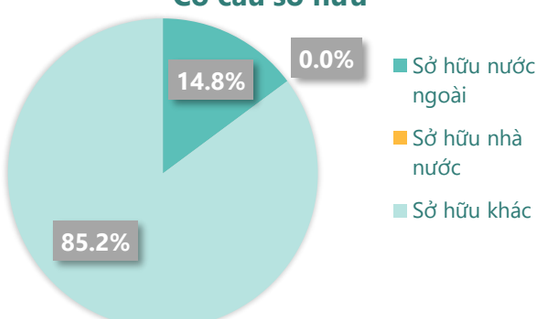
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,200 - 8,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	129
Số lượng CPLH (CP)	19,905,025
KLGD BQ 20 phiên (CP)	425
Sở hữu nước ngoài	14.8%
Beta	0.20
EPS	-1,350
P/E	-4.8

DT thuần
2025
115
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.0| -12.1%

LN thuần
2025
-27.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.50| -31.6%

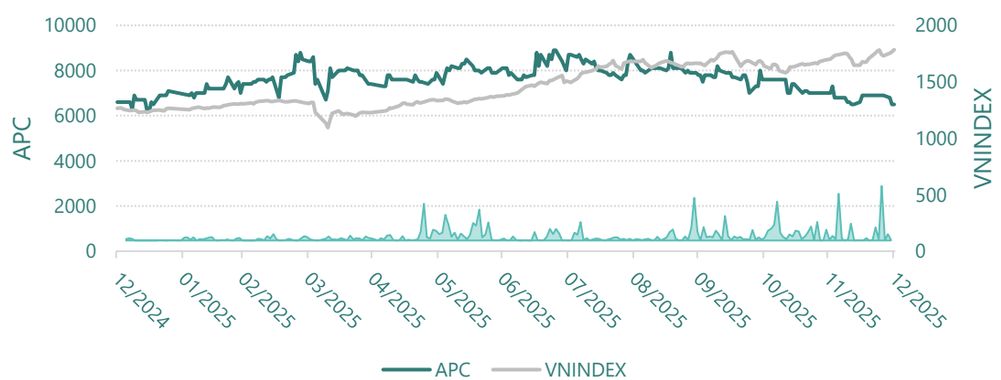
LN sau thuế
2025
-26.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.00| -28.8%

Cơ cấu sở hữu

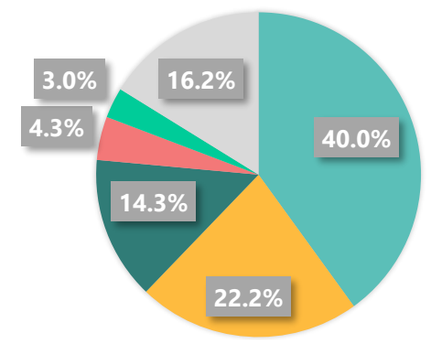


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

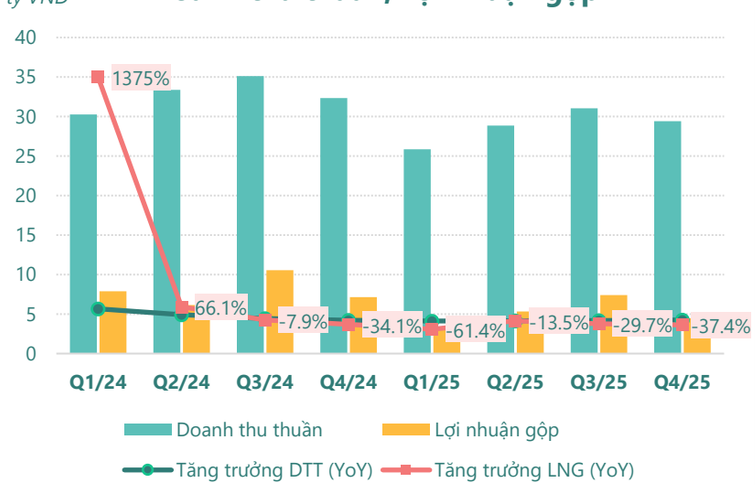


Võ Thùy Dương (Tổng giám đốc)
Công ty TNHH Thái Sơn
Torus Capital Investments Pte. Ltd.
Võ Thái Sơn (Phó Tổng giám đốc)
Lê Thị Mỹ Duyên (Thành viên HĐQT)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

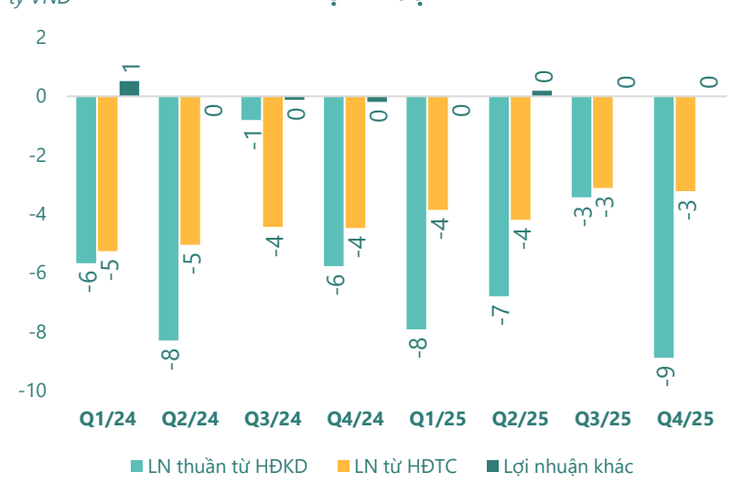
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



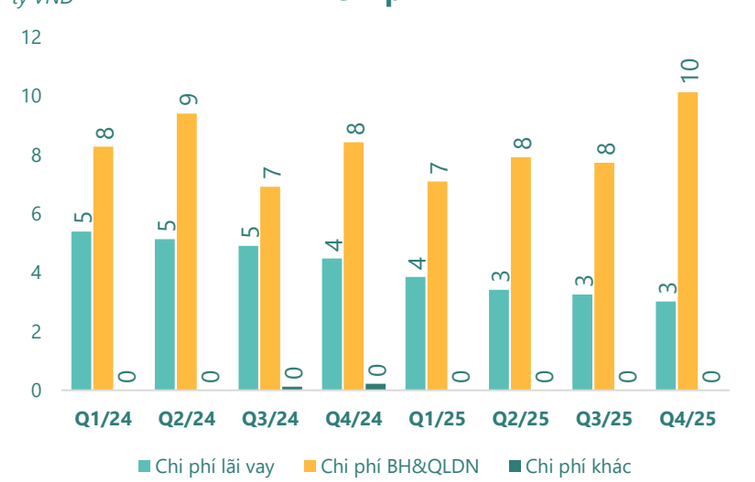
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



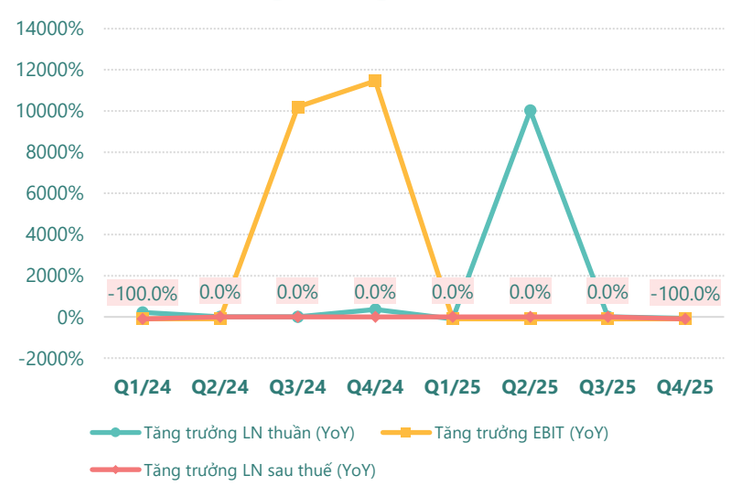
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



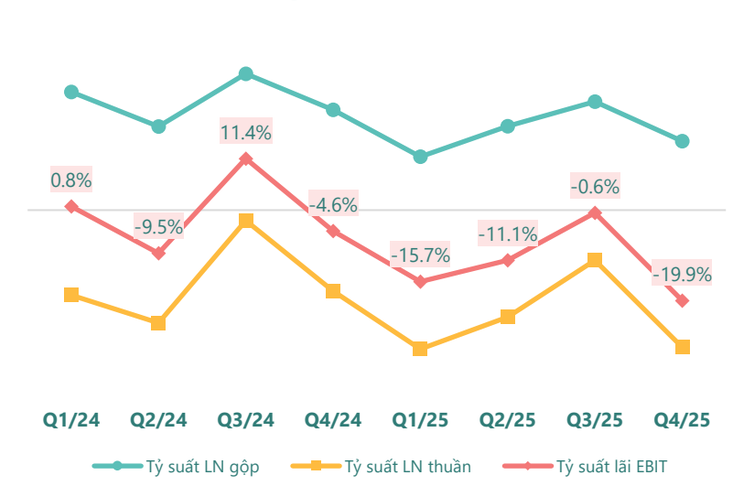
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



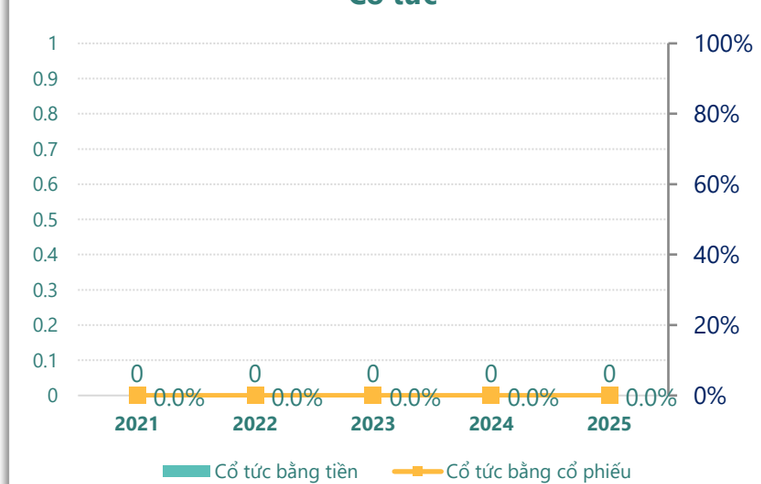
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

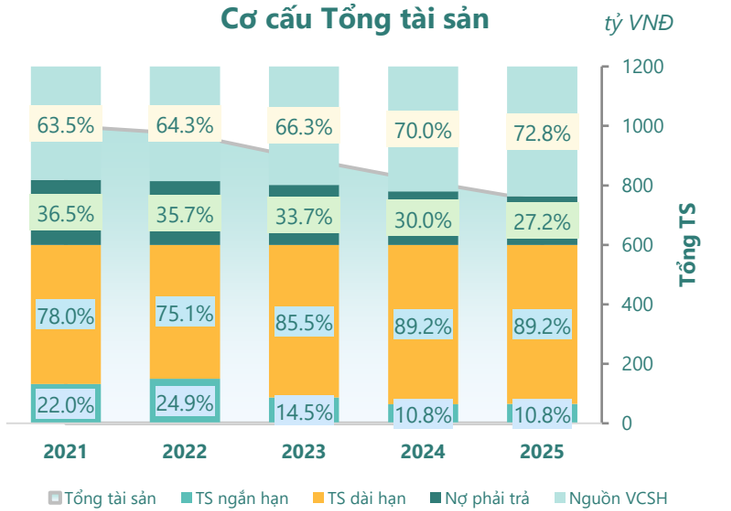
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

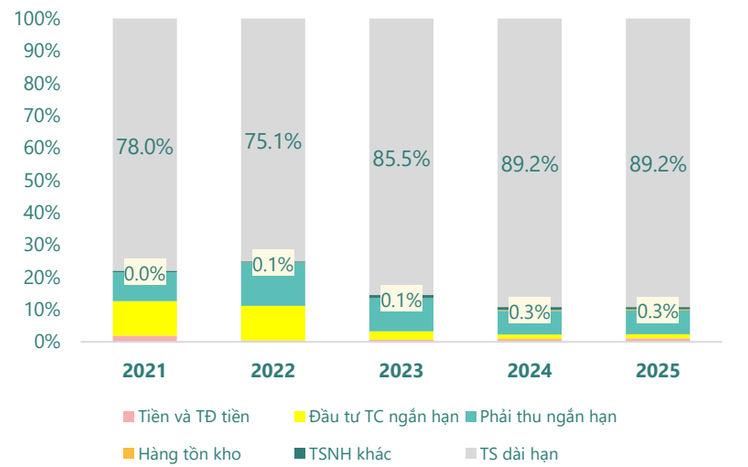
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



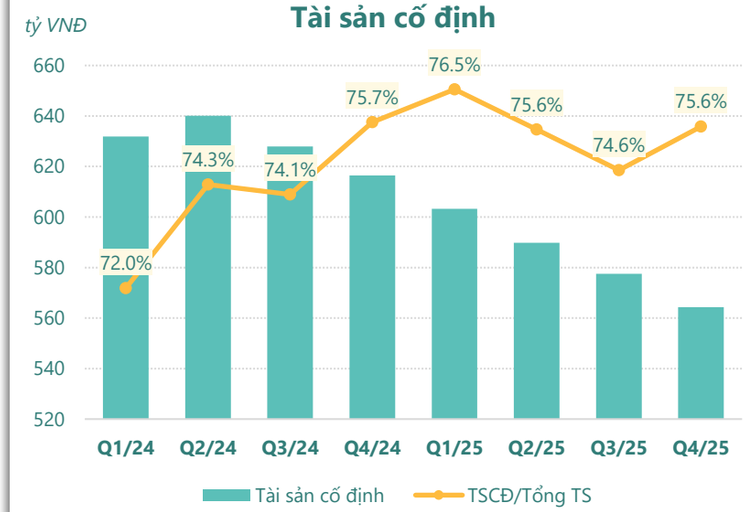
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



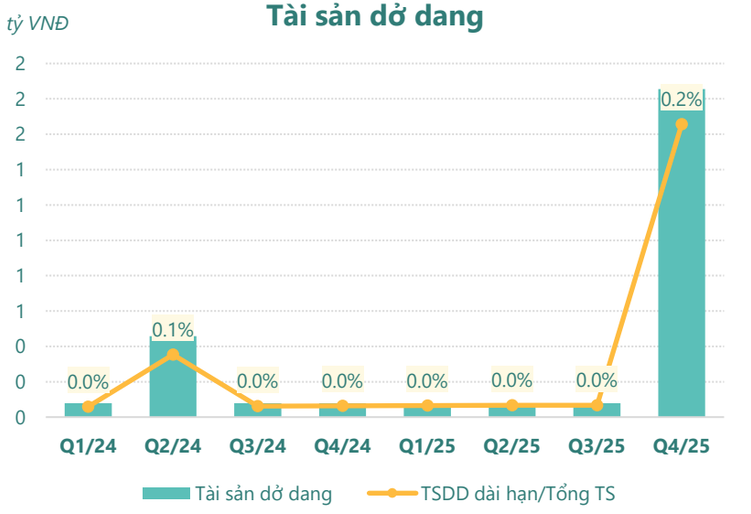
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



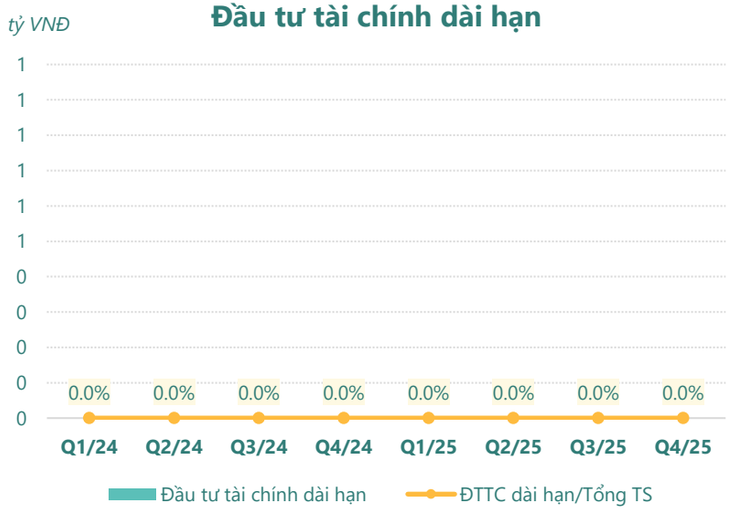
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



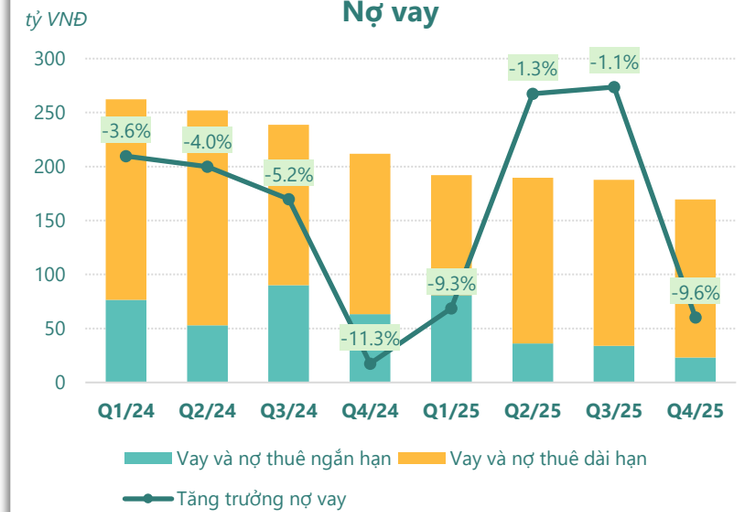
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

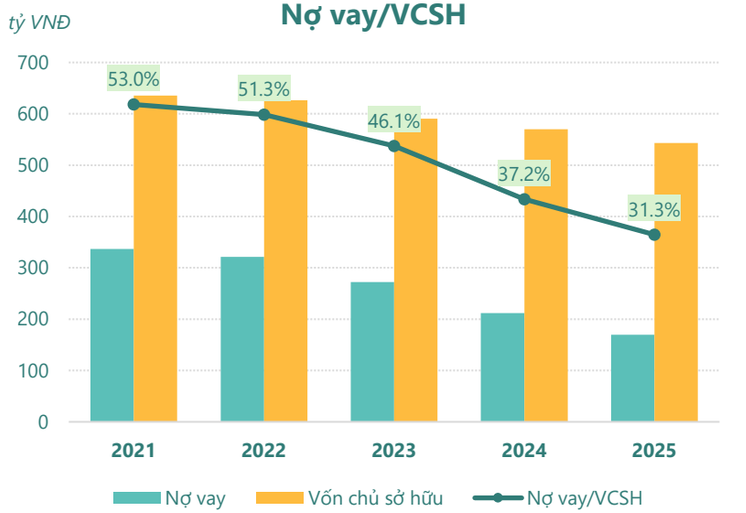
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

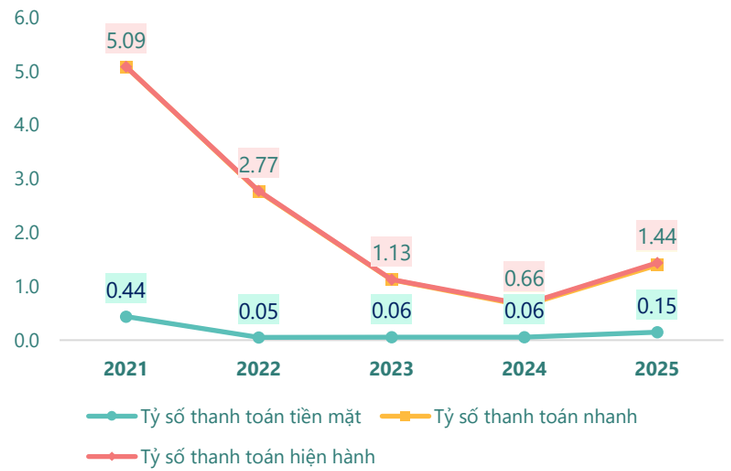
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



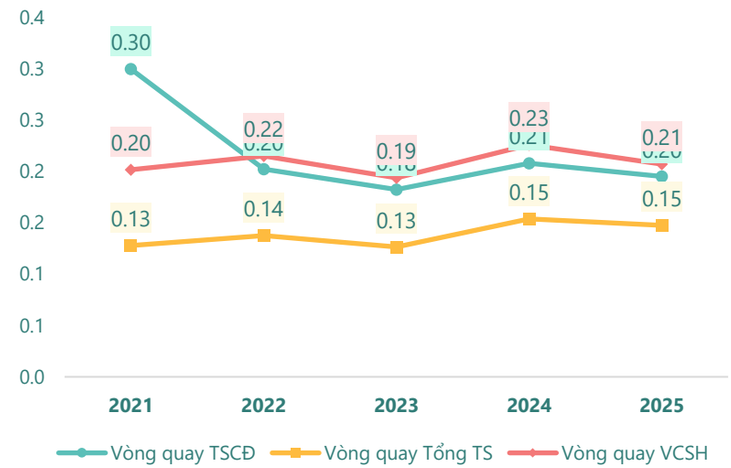
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



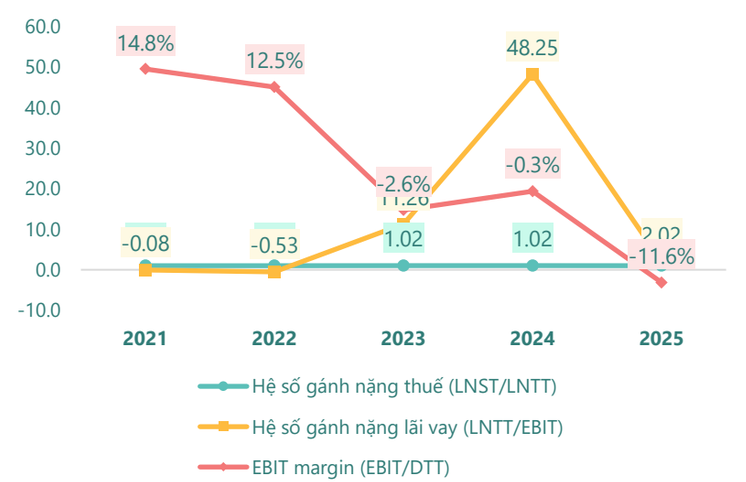
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



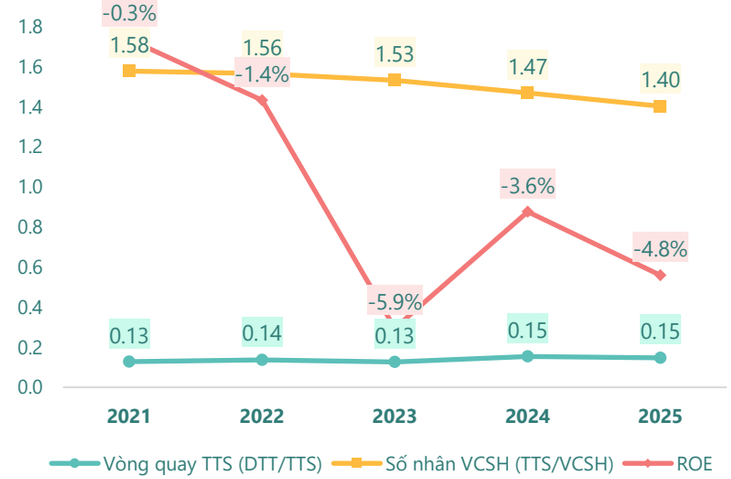
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



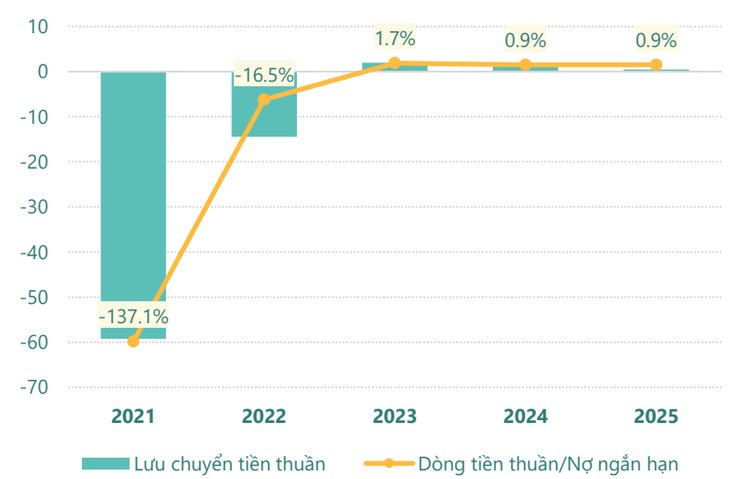
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**29.4**	**32.4**	**-9.2%**	**115**	**131**	**-12.1%**
Giá vốn hàng bán	24.9	25.2	-1.0%	94.9	99.4	-4.4%
Lợi nhuận gộp	4.47	7.15	-37.4%	20.3	31.7	-36.2%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.24	-90.4%	0.04	1.07	-96.7%
Chi phí TC	3.25	4.72	-31.1%	14.5	20.3	-28.8%
Chi phí lãi vay	3.02	4.48	-32.7%	13.5	19.9	-32.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.90	1.26	-28.7%	3.47	4.79	-27.6%
Chi phí QLDN	**9.24**	**7.18**	**28.7%**	**29.4**	**28.3**	**4.1%**
LN thuần từ HĐKD	-8.89	-5.77	-54.1%	-27.1	-20.6	-31.6%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**-0.19**	**104%**	**0.20**	**0.20**	**-0.7%**
LN trước thuế	-8.88	-5.97	-48.8%	-26.9	-20.4	-31.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-8.88**	**-6.47**	**-37.3%**	**-26.9**	**-20.9**	**-28.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-8.88**	**-6.47**	**-37.3%**	**-26.9**	**-20.9**	**-28.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.2	15.3	10.7	8.58	15.7	10.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.79	10.9	10.9	-0.03	-10.3	-3.71
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.1	-27.0	-19.6	-2.51	-2.00	-18.0
Tiền đầu kỳ	6.13	8.37	7.69	9.66	15.9	19.3
Lưu chuyển tiền thuần	**2.27**	**-0.73**	**1.97**	**6.04**	**3.40**	**-10.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	0.05	0	0.20	0	-0.21
Tiền cuối kỳ	8.37	7.69	9.66	15.9	19.3	8.17

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**746**	**814**	**-8.3%**
Tài sản ngắn hạn	80.6	87.9	-8.2%
Tiền và tương đương tiền	8.17	7.69	6.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.44	10.6	-11.3%
Phải thu ngắn hạn	54.7	59.5	-8.1%
Hàng tồn kho	2.57	2.83	-9.3%
Tài sản ngắn hạn khác	5.75	7.22	-20.3%
Tài sản dài hạn	**666**	**726**	**-8.4%**
Phải thu dài hạn	10.3	10.3	0.0%
Tài sản cố định	564	616	-8.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.85	0.08	2278%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**89.1**	**99.4**	**-10.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	203	244	-16.8%
Nợ ngắn hạn	**56.1**	**132**	**-57.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.0	100	-77.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	11.7	12.5%
Nợ dài hạn	147	112	31.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	147	111	31.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**543**	**570**	**-4.7%**
Vốn chủ sở hữu	**543**	**570**	**-4.7%**
Vốn điều lệ	201	201	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)